



CỤC CON NUÔI - BỘ TƯ PHÁP

CẨM NANG

HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ
ĐĂNG KÝ VIỆC NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC
DÀNH CHO CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH CẤP XÃ

HÀ NỘI - 2020



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Tài liệu được xây dựng với sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) tại Việt Nam

CẨM NANG

**HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ
ĐĂNG KÝ VIỆC NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC
DÀNH CHO CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH CẤP XÃ**

HÀ NỘI - 2020

LỜI NÓI ĐẦU

Nuôi con nuôi trong nước là một biện pháp chăm sóc thay thế, nhằm tạo lập một gia đình lâu dài, bền vững và ổn định cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Kể từ khi thực hiện Luật Nuôi con nuôi, công tác đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước nhìn chung tuân thủ các quy định pháp luật và dần đi vào nề nếp.

Tuy nhiên, sau khi Luật Nuôi con nuôi có hiệu lực thi hành, một số văn bản pháp lý quan trọng có liên quan đến quan hệ hôn nhân và gia đình, hộ tịch và trẻ em đã được Quốc hội ban hành, cụ thể là Bộ Luật Dân sự 2015, Luật Hộ tịch 2014, Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 và Luật Trẻ em 2016. Gần đây nhất, ngày 05 tháng 3 năm 2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 24/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi¹.

Những quy định pháp luật mới về nuôi con nuôi và pháp luật có liên quan đã tác động tới trình tự, thủ tục

⁽¹⁾ Nghị định số 24/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 25/4/2019.

đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước, đặc biệt là thủ tục tìm người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi. Đây là một nhiệm vụ quan trọng và mấu chốt trong việc thực hiện nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi và thứ tự ưu tiên lựa chọn gia đình thay thế được quy định tại các Điều 4 và 5 của Luật Nuôi con nuôi.

Với sự hỗ trợ của Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc tại Việt Nam, cuốn Cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước được Cục Con nuôi soạn thảo dựa trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành về nuôi con nuôi và cập nhật những quy định mới của pháp luật có liên quan về hộ tịch và trẻ em.

Nội dung cuốn Cẩm nang được xây dựng thành hai phần:

Phần I tập trung hướng dẫn công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã (dưới đây gọi là công chức tư pháp - hộ tịch) thực hiện các quy định pháp luật về việc tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại cộng đồng và cơ sở trợ giúp xã hội; trang bị những kỹ năng cơ bản trong thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi trong nước như xác định các điều kiện pháp lý về nuôi con nuôi, đánh giá các điều kiện về kinh tế, hoàn cảnh gia đình của người nhận con nuôi, lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ về việc cho trẻ em làm con nuôi,

tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước.

Phần II hướng dẫn giải quyết một số trường hợp cụ thể về nuôi con nuôi trong nước nhằm giải quyết một số vướng mắc, khó khăn gặp phải trong thực tiễn đăng ký việc nuôi con nuôi. Nội dung hướng dẫn được xây dựng dựa trên việc đúc rút những hướng dẫn nghiệp vụ điển hình cho các địa phương.

Mặc dù ban soạn thảo đã hết sức cố gắng cô đọng, tổng hợp và đưa thực tiễn hữu ích nhằm giúp công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, nhưng cũng không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Ban soạn thảo mong nhận được những ý kiến góp ý chân thành của các quý vị để có thể chỉnh sửa và cập nhật kịp thời.

Xin trân trọng cảm ơn mọi ý kiến đóng góp của các quý vị.

CỤC CON NUÔI

PHẦN I

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

MỤC 1

TRÁCH NHIỆM TÌM GIA ĐÌNH THAY THẾ TRONG NƯỚC CHO TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) cấp xã có trách nhiệm tìm gia đình thay thế cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn xã, phường, thị trấn, cụ thể như sau:

1. Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi trên địa bàn xã/phường/thị trấn chưa được chuyển vào cơ sở trợ giúp xã hội (viết tắt là cơ sở TGXH) cần tìm gia đình thay thế

Theo Điều 14 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (dưới đây gọi là Nghị định số 123/2015/NĐ-CP), khi nhận được thông tin về việc trẻ em bị bỏ rơi trên địa bàn xã/phường/thị trấn, UBND cấp xã nơi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi cần phải thực hiện những bước sau đây:

Bước 1: Tổ chức lập biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi

Trách nhiệm thực hiện: Chủ tịch UBND cấp xã hoặc Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm tổ chức lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi ngay khi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi. Trong trường hợp trẻ em bị bỏ rơi tại cơ sở y tế, Thủ trưởng cơ sở y tế có trách nhiệm thông báo cho UBND cấp xã để tổ chức lập biên bản.

Cơ sở y tế bao gồm bệnh viện cấp huyện, cấp tỉnh, cấp trung ương, trạm y tế cấp xã, trung tâm y tế cấp huyện và các cơ sở y tế khác như Phòng khám sức khỏe...

Nội dung lập: Biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi phải ghi rõ thời gian, địa điểm phát hiện trẻ bị bỏ rơi; đặc điểm nhận dạng như giới tính, thể trạng, tình trạng sức khỏe; tài sản hoặc đồ vật khác của trẻ, nếu có; họ, tên, giấy tờ chứng minh nhân dân, nơi cư trú của người phát hiện trẻ bị bỏ rơi.

Số lượng: 02 bản, một bản lưu tại cơ quan lập, một bản giao cho cá nhân hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng trẻ.

Hình thức: Biên bản phải được người lập, những người phát hiện trẻ bị bỏ rơi, người làm chứng (nếu có) ký tên và đóng dấu xác nhận của cơ quan lập.

Bước 2: Tìm người trong nước hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng²

Theo điểm b khoản 2 Điều 15 của Luật Nuôi con nuôi và Điều 14 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, UBND cấp xã tìm người, tổ chức tạm thời chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em. Nếu có cá nhân, gia đình **cư trú tại địa bàn của xã** đăng ký nhận chăm sóc thay thế theo khoản 1 Điều 38 của Nghị định số 56/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Trẻ em (dưới đây gọi là Nghị định số 56/2017/NĐ-CP), UBND cấp xã/người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã lựa chọn gia đình, cá nhân nhận chăm sóc thay thế.

UBND cấp xã ra quyết định giao, nhận trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 56/2017/NĐ-CP; tổ chức việc giao, nhận trẻ em giữa UBND cấp xã và cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.

Trường hợp trên địa bàn xã/phường/thị trấn không có cá nhân, gia đình nào đăng ký nhận chăm sóc thay thế hoặc tạm thời nuôi dưỡng trẻ em thì UBND cấp xã

⁽²⁾ Tổ chức tạm thời nuôi dưỡng được hiểu là các cơ sở trợ giúp xã hội được thành lập hợp pháp theo quy định tại Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về việc thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.

tiến hành lập hồ sơ chuyển trẻ em vào cơ sở TGXH theo quy định tại khoản 2 Điều 40 của Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về việc thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (dưới đây gọi là Nghị định số 103/2017/NĐ-CP).

Bước 3: Niêm yết công khai tìm cha, mẹ đẻ

Theo Điều 14 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, sau khi lập biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi, bàn giao trẻ em cho cá nhân, gia đình hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng, UBND cấp xã niêm yết công khai tìm cha, mẹ đẻ cho trẻ em tại trụ sở của UBND cấp xã trong thời hạn 7 ngày liên tục về việc trẻ em bị bỏ rơi.

Bước 4: Đăng ký khai sinh cho trẻ em

Hết thời hạn niêm yết, nếu không có thông tin về cha, mẹ đẻ của trẻ, UBND cấp xã thông báo cho cá nhân hoặc tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ để tiến hành đăng ký khai sinh cho trẻ. Thủ tục đăng ký khai sinh được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật Hộ tịch.

Bước 5: Giải quyết việc nuôi con nuôi nếu có người trong nước có nhu cầu nhận trẻ em làm con nuôi

Theo khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định

chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 (dưới đây gọi là Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung), trường hợp trẻ em bị bỏ rơi đã được UBND cấp xã giao tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế, nếu cá nhân, gia đình tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế có nhu cầu nhận trẻ em làm con nuôi và đủ điều kiện nhận con nuôi thì UBND cấp xã hướng dẫn, xem xét và giải quyết việc nuôi con nuôi.

Lưu ý: UBND cấp xã không có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi cho cá nhân, gia đình là người nước ngoài hiện đang sinh sống và làm việc ở Việt Nam nhận trẻ em đã được giao chăm sóc thay thế làm con nuôi. Đồng thời, trong trường hợp này, trẻ em được cá nhân, gia đình người nước ngoài chăm sóc thay thế không thuộc diện được giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài.

Bước 6: Rà soát, đánh giá nhu cầu trẻ em cần được nhận làm con nuôi

Theo khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung, hàng tháng UBND cấp xã/người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã rà soát, đánh giá trẻ em đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế³ để xem xét, giải quyết

³ Diện trẻ em được chăm sóc thay thế theo khoản 1 Điều 38 của Nghị định số 56/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật trẻ em.

hoặc hướng dẫn giải quyết việc nuôi con nuôi trong nước.

Theo khoản 2 Điều 43 của Nghị định số 56/2017/NĐ-CP, việc đánh giá nhu cầu trẻ em được nhận làm con nuôi bao gồm việc đánh giá điều kiện sống, tình trạng sức khỏe, thể chất, tinh thần, sự hòa nhập của trẻ em với cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế. Đối với trẻ em bị bỏ rơi, UBND cấp xã **tìm cá nhân, gia đình cư trú ngay tại địa phương** để giải quyết việc nuôi con nuôi nếu như cá nhân, gia đình đó có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận con nuôi.

Theo điểm a khoản 2 Điều 15 của Luật Nuôi con nuôi, trường hợp trẻ em bị bỏ rơi không có người dân cư trú tại địa phương nhận làm con nuôi thì UBND cấp xã lập hồ sơ đưa trẻ em vào cơ sở TGXH theo quy định tại khoản 2 Điều 40 của Nghị định số 103/2017/NĐ-CP, kèm theo xác nhận không có người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi.

2. Trường hợp trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa⁴ đang sống trên địa bàn xã/phường/thị trấn cần tìm gia đình thay thế

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 của Luật Nuôi con nuôi, trường hợp trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, hoặc trẻ em có cha mẹ đẻ, người thân thích nhưng không có khả năng nuôi dưỡng, thì người giám hộ, cha mẹ đẻ,

⁽⁴⁾ Trẻ em không nơi nương tựa được quy định tại Điều 5 của Nghị định số 56/2017/NĐ-CP.

người thân thích của trẻ em có trách nhiệm báo cáo UBND cấp xã nơi trẻ em thường trú để tìm gia đình thay thế. UBND cấp xã thực hiện những bước sau đây để tìm gia đình thay thế cho trẻ em:

Bước 1: Thông báo, niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã

UBND cấp xã nơi trẻ em thường trú có trách nhiệm thông báo, niêm yết trong thời hạn 60 ngày để tìm người dân cư trú ở ngay tại địa phương nhận trẻ em làm con nuôi.

Bước 2: Giải quyết việc nuôi con nuôi nếu có người trong nước có nhu cầu nhận trẻ em làm con nuôi

Trong thời hạn thông báo, niêm yết, nếu có người dân cư trú ở địa phương nhận trẻ em làm con nuôi thì UBND cấp xã nơi trẻ em thường trú giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về nuôi con nuôi.

Bước 3: Lập hồ sơ đưa trẻ em vào cơ sở TGXH

Nếu trẻ em không được người dân cư trú ở địa phương nhận làm con nuôi, UBND cấp xã lập hồ sơ đưa trẻ em vào cơ sở TGXH theo quy định tại khoản 2 Điều 40 của Nghị định số 103/2017/NĐ-CP.

Bước 4: Rà soát, đánh giá kèm theo xác nhận không có người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, đánh giá nhu cầu trẻ em cần được nhận làm con nuôi

Theo khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung, hàng tháng UBND cấp xã/ người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã tiến hành rà soát, đánh giá trẻ em đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế để xem xét, giải quyết hoặc hướng dẫn giải quyết việc nuôi con nuôi.

Nếu sau khi rà soát, đánh giá nhu cầu của trẻ em, không có người dân cư trú ở địa phương nhận trẻ em làm con nuôi thì UBND cấp xã lập hồ sơ đưa trẻ em vào cơ sở TGXH theo quy định tại khoản 2 Điều 40 của Nghị định số 103/2017/NĐ-CP, kèm theo xác nhận không có người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi.

Lưu ý: Việc người dân tự ý nhận trẻ em về chăm sóc, nuôi dưỡng mà không tiến hành đăng ký việc nuôi con nuôi là trái quy định pháp luật. UBND cấp xã cần phổ biến và tuyên truyền cho người dân được biết để tuân thủ đúng quy định pháp luật về nuôi con nuôi.

3. Trường hợp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt sống tại cơ sở TGXH cần tìm gia đình thay thế

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 của Luật Nuôi con nuôi, khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 19/2011/ NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung và khoản 1 Điều 45 của Nghị định số 56/2017/NĐ-CP, trường hợp trẻ em sống ở cơ sở TGXH cần được nhận làm con nuôi, người

đứng đầu cơ sở TGXH lập hồ sơ trẻ em và gửi xin ý kiến cơ quan chủ quản. Sau khi thẩm định hồ sơ, nếu thấy phù hợp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện chuyển danh sách và hồ sơ trẻ em trong thời hạn 05 ngày làm việc cho Sở Tư pháp để đăng tin tìm gia đình thay thế trong nước trong thời hạn 60 ngày. Trình tự thủ tục tìm người nhận con nuôi trong nước được thực hiện như sau:

Bước 1: Nếu có người dân cư trú ở địa phương đăng ký nhu cầu nhận con nuôi và đủ điều kiện nhận con nuôi, Sở Tư pháp có công văn giới thiệu và giao 01 bộ hồ sơ trẻ em cho người nhận con nuôi để liên hệ với UBND cấp xã nơi có trụ sở của cơ sở TGXH thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi. Sở Tư pháp cần kiểm tra điều kiện nuôi con nuôi của người nhận con nuôi thông qua hồ sơ của người nhận con nuôi.

Bước 2: Nếu không có người dân nào ở địa phương đăng ký nhu cầu nhận con nuôi và trẻ em không thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung, Sở Tư pháp tiến hành đăng tin tìm gia đình thay thế trên phạm vi toàn tỉnh.

Bước 3: Trong thời gian đăng tin tìm gia đình thay thế trong nước, nếu có người dân có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận con nuôi thì phải đăng ký nhu cầu nhận con

nuôi. Sở Tư pháp kiểm tra điều kiện nuôi con nuôi của người nhận con nuôi trước khi có công văn giới thiệu và giao 01 bộ hồ sơ trẻ em cho người nhận con nuôi để liên hệ với UBND cấp xã nơi có trụ sở của cơ sở TGXH thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi.

Trong thời gian đăng tin tìm gia đình thay thế trên toàn quốc, nếu có người trong nước có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận con nuôi, Sở Tư pháp thông báo Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp để xóa tên trẻ em trong danh sách cần tìm gia đình thay thế sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước.

MỤC 2

XÁC ĐỊNH THẨM QUYỀN ĐĂNG KÝ VIỆC NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC

Về thẩm quyền chung, khoản 1 Điều 9 của Luật Nuôi con nuôi quy định Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) nơi thường trú của người được giới thiệu làm con nuôi hoặc của người nhận con nuôi đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước.

Theo Điều 2 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung việc xác định thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi trong một số trường hợp cụ thể như sau:

1. Trường hợp nhận con riêng, cháu ruột làm con nuôi

Trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác nhận cháu ruột làm con nuôi thì UBND cấp xã *nơi cư trú* của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận làm con nuôi thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi. Nơi cư trú của người nhận con nuôi là chỗ ở mà người đó thường xuyên sinh sống, là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú. Nếu người nhận con nuôi không có nơi thường trú thì xem xét đến nơi tạm trú. Nếu không có cả nơi thường trú và nơi tạm trú thì mới xem xét đến nơi sinh sống thực tế của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận làm con nuôi.

2. Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi chưa chuyển vào cơ sở TGXH được nhận làm con nuôi

Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi chưa chuyển vào cơ sở TGXH được nhận làm con nuôi, thì UBND cấp xã *noi lập biên bản* về việc trẻ em bị bỏ rơi thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi.

3. Trường hợp trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa sống tại gia đình được nhận làm con nuôi

Trường hợp trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa sống tại gia đình được nhận làm con nuôi, thì UBND cấp xã *noi trẻ em thường trú* thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi.

4. Trường hợp trẻ em ở cơ sở TGXH được nhận làm con nuôi

Trường hợp trẻ em ở cơ sở TGXH được nhận làm con nuôi, thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trụ sở của cơ sở TGXH thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi.

MỤC 3

HƯỚNG DẪN VIỆC TIẾP NHẬN VÀ KIỂM TRA HỒ SƠ ĐĂNG KÝ VIỆC NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC

A. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi và thu lệ phí

Hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi bao gồm hồ sơ của người nhận con nuôi và hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi, được lập thành 01 bộ đầy đủ và hợp lệ. Lệ phí đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước là 400.000 đồng/trường hợp, trừ trường hợp được miễn, giảm lệ phí đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 114/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 8/7/2016 quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi.

1) Hồ sơ của người nhận con nuôi

Theo Điều 17 của Luật Nuôi con nuôi, hồ sơ của người nhận con nuôi gồm có:

1. Đơn xin nhận con nuôi;
2. Bản sao Hộ chiếu, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;
3. Phiếu lý lịch tư pháp;
4. Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân;

5. Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;

6. Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế có xác nhận của UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú.

Trường hợp cha đẻ/mẹ đẻ nhận con riêng của vợ/chồng hoặc cô, cậu, dì, chú, bác nhận cháu ruột làm con nuôi thì được miễn Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế này.

* Ngoài ra, hồ sơ của người nhận con nuôi nên có bản chụp Sổ hộ khẩu để công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã xác định thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi.

Giấy tờ chứng minh quan hệ họ hàng, thân thích với người được nhận làm con nuôi là căn cứ để miễn lệ phí đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước và miễn một số điều kiện pháp lý khác về nuôi con nuôi như khoảng cách độ tuổi, Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế có xác nhận của UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú.

2) Hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi trong nước

Theo Điều 18 của Luật Nuôi con nuôi, hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi gồm có:

1. Giấy khai sinh;
2. Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;
3. Hai ảnh toàn thân nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;
4. Tùy từng trường hợp, hồ sơ cần có:
 - Biên bản xác nhận do UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi;
 - Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi;
 - Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích;
 - Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự.
5. Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở TGXH.

B. Kiểm tra hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi

Thời hạn đăng ký việc nuôi con nuôi là 30 ngày, kể từ ngày UBND cấp xã nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

i) Kiểm tra Đơn xin nhận con nuôi

Đơn xin nhận con nuôi được lập theo mẫu đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp (www.moj.gov.vn) tại mục Biểu mẫu điện tử.

Người nhận con nuôi phải điền đầy đủ nội dung nêu trong Đơn và ký, ghi đầy đủ họ, chữ đệm, tên, dán ảnh chân dung, kích cỡ 4x6cm. Trường hợp cặp vợ chồng nhận con nuôi thì cả vợ và chồng đều cùng phải ký và dán ảnh chân dung vào Đơn. Không dán ảnh trẻ em vào Đơn xin nhận con nuôi.

ii) Kiểm tra bản sao Hộ chiếu, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế

Người nhận con nuôi nộp bản sao Hộ chiếu, Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước hoặc giấy tờ có giá trị thay thế khác. Trường hợp người dân nộp bản sao không được chứng thực, công chức tư pháp - hộ tịch đối chiếu và xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính.

iii) Kiểm tra phiếu lý lịch tư pháp

Phiếu lý lịch tư pháp của người nhận con nuôi phải

do Sở Tư pháp cấp. Thời hạn sử dụng là 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

iv) Kiểm tra văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân

Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân thì phải có giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Nếu người nhận con nuôi là một cặp vợ chồng thì phải có Giấy chứng nhận kết hôn.

v) Kiểm tra giấy khám sức khỏe

Giấy khám sức khỏe phải do cơ quan y tế từ cấp huyện trở lên cấp (bản gốc hoặc bản sao có chứng thực). Thời hạn sử dụng là 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

vi) Kiểm tra Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi

Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi phải được lập theo mẫu đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp (www.moj.gov.vn) tại mục Biểu mẫu điện tử. Thời hạn sử dụng là 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

Trường hợp người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi tại UBND cấp xã nơi người đó thường trú thì công chức tư pháp - hộ tịch xác minh hoàn cảnh

gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi.

Trường hợp người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi tại UBND cấp xã nơi người được nhận làm con nuôi thường trú, UBND cấp xã nơi người đó thường trú xác nhận, trên cơ sở xác minh của công chức tư pháp - hộ tịch về hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi.

vii) Kiểm tra giấy khai sinh của người được nhận làm con nuôi

Trong mọi trường hợp, hồ sơ trẻ em phải có giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh. Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi thì Giấy khai sinh phải để trống phần khai về cha mẹ. Trong trường hợp phức tạp, công chức tư pháp - hộ tịch phải xác minh việc đăng ký khai sinh cho trẻ em. Nếu cần thiết, công chức tư pháp - hộ tịch hỏi ý kiến của cơ quan có thẩm quyền cấp trên để xác định tính xác thực của Giấy khai sinh.

Lưu ý: Công chức tư pháp - hộ tịch tuyệt đối không được đăng ký việc nuôi con nuôi trước và sau đó mới tiến hành đăng ký khai sinh cho trẻ em được nhận làm con nuôi và điền họ, chữ đệm, tên của cha mẹ nuôi trong Giấy khai sinh của con nuôi.

viii) Kiểm tra giấy khám sức khỏe của người được nhận làm con nuôi

Giấy khám sức khỏe phải do cơ quan y tế từ cấp huyện trở lên cấp. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2013/TT-BYT hướng dẫn khám sức khỏe của Bộ trưởng Bộ Y tế, Giấy khám sức khỏe có thời hạn sử dụng là 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

ix) Kiểm tra các giấy tờ tài liệu trong hồ sơ trẻ em tùy theo đối tượng trẻ em

- Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, kiểm tra Biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi. Hình thức, nội dung của Biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi được hướng dẫn tại Bước 1 điểm 1 Mục 1 nêu trên; Không chấp nhận Tờ khai báo hoặc trình báo về việc trẻ em bị bỏ rơi do người dân lập.

- Trường hợp trẻ em bị mồ côi cả cha và mẹ hoặc mồ côi cha hoặc mẹ, kiểm tra giấy chứng tử của cha, mẹ đẻ của trẻ em được nhận làm con nuôi;

- Trường hợp người được nhận làm con nuôi có cha, mẹ đẻ mất tích, kiểm tra quyết định của tòa án tuyên bố cha, mẹ đẻ bị mất tích;

- Trường hợp người được nhận làm con nuôi có cha, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự, kiểm tra quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới

thiệt làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự.

x) Kiểm tra quyết định tiếp nhận trẻ em vào cơ sở TGXH

Trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi hiện đang sống ở cơ sở TGXH thì cần có quyết định tiếp nhận trẻ em vào cơ sở. Theo Nghị định số 103/2017/NĐ-CP, giám đốc cơ sở TGXH công lập hoặc ngoài công lập có thẩm quyền ra quyết định tiếp nhận trẻ em vào cơ sở TGXH theo ý kiến của cơ quan chủ quản là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nếu cơ sở TGXH thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh) hoặc UBND cấp huyện (nếu cơ sở TGXH thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện).

C. Một số lưu ý

1. Trường hợp người nhận con nuôi là một cặp vợ chồng thì hồ sơ phải có đầy đủ các giấy tờ có liên quan của cả bên vợ và bên chồng.

2. Hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi phải được đánh số và sắp xếp theo thứ tự theo quy định tại Điều 17 và 18 của Luật Nuôi con nuôi. Các giấy tờ, tài liệu phải được bảo quản, có ghi mã số hồ sơ, tránh mất mát hoặc để mỗi một giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ.

3. Hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi phải có đầy đủ giấy tờ hợp lệ. Công chức tư pháp - hộ tịch không được

tiến hành đăng ký việc nuôi con nuôi sau đó mới đăng ký khai sinh cho con nuôi.

4. Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi, công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra hồ sơ để tìm hiểu mục đích nuôi con nuôi, xác minh, đánh giá điều kiện nuôi con nuôi của người nhận con nuôi và của người được nhận làm con nuôi để bảo đảm đáp ứng đủ các điều kiện nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật; người nhận con nuôi không thuộc các trường hợp không được nhận con nuôi.

MỤC 4

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ KỸ NĂNG CƠ BẢN TRONG QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT VIỆC NUÔI CON NUÔI

A. Hướng dẫn xác định điều kiện pháp lý của người nhận con nuôi

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 của Luật Nuôi con nuôi, người nhận con nuôi phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Bộ Luật Dân sự 2014, những người mất năng lực hành vi dân sự, những người gặp khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự là những người không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Những người không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ không đủ điều kiện để nhận con nuôi.

2. Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 của Luật Nuôi con nuôi, người nhận con nuôi hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên. Điểm b khoản 1 Điều 14 của Luật Nuôi con nuôi không quy định khoảng cách độ tuổi từ đủ 20 tuổi trở lên, có nghĩa là người nhận con nuôi chỉ cần hơn con nuôi 19 tuổi 01 ngày là đáp ứng đủ điều kiện.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Luật Nuôi con nuôi, trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi thì không áp dụng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 (miễn điều kiện hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên).

3. Các trường hợp không được nhận con nuôi

Theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật Nuôi con nuôi, những người sau đây không được nhận con nuôi:

- Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;

Theo quy định tại Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, cha, mẹ bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên trong các trường hợp sau đây: Bị kết án về một trong các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con với lỗi cố ý hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Phá tán tài sản của con; Có lối sống đồi trụy; Xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

- Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;

- Đang chấp hành hình phạt tù;

- Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

4. Xác định người nhận con nuôi có thuộc một trong những trường hợp thuộc hành vi bị cấm theo Điều 13 của Luật Nuôi con nuôi không?

Trong quá trình xác minh, công chức tư pháp - hộ tịch xem xét liệu việc nhận con nuôi có nhằm mục đích để hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước không, như để được cộng thêm điểm ưu tiên vào trường đại học hoặc để hưởng chính sách, chế độ của con thương binh, bệnh binh hoặc người có công với cách mạng...; có nhằm lợi dụng việc nuôi con nuôi để vi phạm pháp luật hay không, ví dụ như cho con đẻ làm con nuôi để sinh con có giới tính như mong muốn hoặc nhận con đẻ làm con nuôi...

Công chức tư pháp - hộ tịch cần giải thích hậu quả của việc đăng ký việc nuôi con nuôi trong những trường hợp này và từ chối tiếp nhận hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi nếu có căn cứ rõ ràng về việc lợi dụng việc nuôi con nuôi để hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước hoặc để vi phạm pháp luật.

5. Tư cách đạo đức tốt

Những hành vi bạo lực gia đình, phân biệt đối xử giữa các con, lạm dụng sức lao động của trẻ em, bỏ mặc con cái, cờ bạc, nghiện ngập ma túy, đã từng phạm tội hiếp dâm trẻ em... đều là những hành vi không phù hợp với đạo đức xã hội.

B. Hướng dẫn xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi

Căn cứ vào Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở và điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi, công chức tư pháp - hộ tịch có trách nhiệm xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi, cụ thể như sau:

1. Kiểm tra các thông tin về cá nhân, tư cách đạo đức và xác định tính tự nguyện của gia đình người nhận con nuôi

- Họ, chữ đệm và tên, độ tuổi, nghề nghiệp, nơi thường trú, tình trạng hôn nhân;

- Tình trạng sức khỏe: có khuyết tật/mắc bệnh hiểm nghèo không? Có đủ điều kiện sức khỏe để chăm sóc con nuôi không?

- Tình trạng hôn nhân: độc thân hay kết hôn?

Trường hợp hai vợ chồng ly thân mà chưa ly hôn nếu nhận con nuôi cũng phải có sự đồng thuận cùng nhận con nuôi của cả hai vợ chồng. Nếu không có sự đồng thuận thì hai vợ chồng không đủ điều kiện để nhận con nuôi.

- Con cái trong gia đình: có/không; nếu có thì nêu số con.

- Có con nuôi không? Có/không

- Ý kiến của các thành viên trong gia đình (con đẻ, con nuôi, ông bà...): có/không đồng ý với việc nhận con nuôi.

- Mục đích của việc nuôi con nuôi là nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của người được nhận làm con nuôi, bảo đảm cho con nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong môi trường gia đình.

- Có bị kết án tù, xử phạt vi phạm hành chính không? (nếu có thì phải ghi cụ thể hình thức, thời gian).

- Tư cách đạo đức tốt của người nhận con nuôi được thể hiện thông qua nề nếp gia đình, lối sống lành mạnh, tôn trọng những người trong gia đình, có mối quan hệ tốt với những thành viên trong gia đình, hàng xóm... Những hành vi bạo lực gia đình, phân biệt đối xử giữa các con, lạm dụng

sức lao động của trẻ em, bỏ mặc con cái, cờ bạc, nghiện ngập ma túy, nghiện rượu, đã từng phạm tội hiếp dâm trẻ em... là những hành vi không phù hợp với đạo đức xã hội.

2. Xác định điều kiện chỗ ở và điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi

2.1. Đánh giá điều kiện về nhà ở

Điều kiện nhà ở có thể là nhà ở kiên cố/bán kiên cố/nhà tạm; thuộc sở hữu của hộ gia đình, nhà thuê, ở nhờ đều có thể được chấp nhận. Điều quan trọng là cần đánh giá xem điều kiện nơi ở có cho phép đón nhận trẻ em được cho làm con nuôi không, điều kiện nơi ở có bảo đảm an toàn cho trẻ nhỏ không.

Việc người nhận con nuôi thuê nhà hoặc ở chung với các thành viên khác trong gia đình không phải là lý do để từ chối đăng ký việc nuôi con nuôi. Người nhận con nuôi có thể có nhiều nơi ở khác nhau, trong đó nơi ở tạm trú có điều kiện tốt hơn nơi thường trú, không phân biệt nơi ở tạm trú hay thường trú.

Lưu ý: Công chức tư pháp - hộ tịch không yêu cầu người nhận con nuôi chứng minh quyền sở hữu nơi ở thông qua việc nộp hoặc xuất trình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, hoặc các loại giấy tờ, hợp đồng khác.

2.2. Xác định điều kiện về kinh tế

- Gia đình có thuộc hộ nghèo không? Nếu gia đình thuộc hộ nghèo thì không đủ điều kiện kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con nuôi.

- Điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi trước hết có thể tính theo thu nhập trung bình hàng tháng của gia đình (ví dụ trong 12 tháng gần đây nhất). Mức thu nhập trung bình có bảo đảm cho việc chăm sóc và nuôi dưỡng con nuôi không? Nguồn thu nhập của gia đình có thể từ việc làm công nhật/lương tháng/tuần/buôn bán, kinh doanh/chế độ chính sách xã hội/làm nông nghiệp/lâm nghiệp hoặc các nguồn thu nhập khác. Nguồn thu nhập đều đặn và ổn định cũng là một yếu tố để đánh giá điều kiện kinh tế thuận lợi của người nhận con nuôi.

- Ngoài ra, có thể tính tới các tài sản khác (ghi rõ nếu có): ví dụ như bất động sản, nhà ở cho thuê, làm thêm, sổ tiết kiệm...

Như vậy, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi được đánh giá theo các tiêu chí ổn định của các khoản thu nhập, các khoản tiết kiệm khác nếu có, tài sản của người nhận con nuôi. Công chức tư pháp - hộ tịch có thể đánh giá điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi theo mức sống chung ở địa phương. Để chứng minh điều kiện kinh tế, người nhận con nuôi có thể cung cấp sao kê bảng lương, bản chụp sổ tiết kiệm...

3. Đánh giá người nhận con nuôi đủ điều kiện nuôi con nuôi

Sau khi đã kiểm tra, xác minh thông tin về cá nhân, gia đình của người nhận con nuôi, điều kiện về chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi, công chức tư pháp - hộ tịch cần xác định người nhận con nuôi có đủ điều kiện nhận con nuôi hay không.

Nếu người nhận con nuôi có hoàn cảnh gia đình không bảo đảm bằng cha, mẹ đẻ của trẻ em được nhận làm con nuôi (như người nhận con nuôi độc thân, công việc và thu nhập không ổn định...) thì công chức tư pháp - hộ tịch không nên giải quyết việc nuôi con nuôi. Công chức tư pháp - hộ tịch cần tư vấn, thuyết phục và giải thích cho người nhận con nuôi và cha, mẹ đẻ của trẻ em để họ nhận thức được rằng chỉ cho trẻ em làm con nuôi của người khác khi **cha, mẹ đẻ không có khả năng nuôi dưỡng con cái**; tư vấn và giải thích cho cha, mẹ đẻ về hệ quả của việc nuôi con nuôi; chấm dứt quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đẻ đối với trẻ em được cho làm con nuôi.

C. Hướng dẫn xác định điều kiện của người được nhận làm con nuôi

1. Điều kiện pháp lý

a) Về độ tuổi

Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Nuôi con nuôi, người được nhận làm con nuôi là trẻ em dưới 16 tuổi.

Trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác nhận cháu ruột làm con nuôi thì độ tuổi của người được nhận làm con nuôi được tính đến dưới 18 tuổi.

b) Về đối tượng

- Người được nhận làm con nuôi có quan hệ họ hàng, thân thích với người nhận con nuôi bao gồm con riêng của vợ/chồng hoặc cháu ruột của cô, cậu, dì, chú, bác.

- Nghiêm cấm ông, bà nhận cháu làm con nuôi hoặc anh, chị, em nhận nhau làm con nuôi.

- Trẻ em được nhận làm con nuôi không có quan hệ họ hàng, thân thích với người nhận con nuôi bao gồm trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi, trẻ em có cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ nhưng cha, mẹ đẻ, người giám hộ không có khả năng nuôi dưỡng.

- Trẻ em được nhận làm con nuôi có hoàn cảnh đặc biệt sống tại các cơ sở TGXH.

2. Xác minh hoàn cảnh gia đình của người được nhận làm con nuôi

Việc xác minh hoàn cảnh gia đình của trẻ em được

cho làm con nuôi là cần thiết nhằm tôn trọng quyền của trẻ em được sống trong môi trường gia đình gốc trước khi giải quyết việc nuôi con nuôi trong nước. Không nên tách trẻ em ra khỏi cha, mẹ để khi không cần thiết. Trẻ em chỉ được cho làm con nuôi người khác khi cha, mẹ để không có khả năng nuôi dưỡng.

a) Đối với trẻ em là cháu ruột của người nhận con nuôi

Trong trường hợp này, công chức tư pháp - hộ tịch cần kiểm tra mối quan hệ họ hàng giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi. Chỉ cô, cậu, dì, chú, bác mới được nhận cháu ruột làm con nuôi. Ông, bà không được nhận cháu làm con nuôi; hoặc anh, chị, em không được nhận nhau làm con nuôi.

Việc kiểm tra mối quan hệ họ hàng có thể dựa trên việc kiểm tra các giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình như giấy khai sinh của người nhận con nuôi và giấy khai sinh của cha, mẹ đẻ của trẻ em được cho làm con nuôi hoặc những giấy tờ thay thế khác để xác định quan hệ họ hàng giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi và để có cơ sở miễn lệ phí đăng ký việc nuôi con nuôi.

Công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra mục đích của việc nuôi con nuôi trong trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác nhận cháu ruột làm con nuôi nhằm tránh tách trẻ em khỏi cha, mẹ để một cách không cần thiết. Chỉ giải quyết

cho trẻ em làm con nuôi khi cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ không có khả năng nuôi dưỡng.

b) Đối với trẻ em là con riêng của người nhận con nuôi

Việc cha dượng nhận con riêng của vợ làm con nuôi, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi là tạo điều kiện cho con nuôi đoàn tụ gia đình với cha, mẹ đẻ, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi.

Công chức tư pháp - hộ tịch cần kiểm tra giấy chứng nhận kết hôn của cha dượng hoặc mẹ kế với mẹ đẻ hoặc cha đẻ của người được nhận làm con nuôi để xác định quan hệ thân thích giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi và để có cơ sở miễn lệ phí đăng ký việc nuôi con nuôi.

c) Đối với trẻ em bị bỏ rơi

UBND cấp xã kiểm tra những thông tin về gia đình gốc của trẻ em bị bỏ rơi, nếu có. Trường hợp sau khi xác minh xác định được cha, mẹ đẻ của trẻ em và liên hệ được với cha, mẹ đẻ của trẻ em thì UBND cấp xã tiến hành lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ của trẻ em đó.

d) Đối với trẻ em được nhận làm con nuôi còn có cha, mẹ đẻ hoặc trẻ em mồ côi cả cha và mẹ nhưng còn người thân thích

Công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra hoàn cảnh gia đình của trẻ em được nhận làm con nuôi. Nếu như hoàn cảnh gia đình của người nhận con nuôi không bảo đảm bằng cha, mẹ đẻ thì không nên tách trẻ em ra khỏi gia đình gốc của mình. Hoàn cảnh gia đình bao gồm nhiều yếu tố như điều kiện vật chất, điều kiện tinh thần, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục của các bên.

Chỉ giải quyết cho trẻ em còn có cha, mẹ đẻ làm con nuôi của người khác khi cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ không có khả năng nuôi dưỡng. Trong trường hợp này, UBND cấp xã nơi trẻ em thường trú phải niêm yết tại trụ sở UBND trong thời hạn 60 ngày theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 của Luật Nuôi con nuôi để tìm gia đình thay thế cho trẻ em. Nghiêm cấm việc cha, mẹ đẻ tự ý thỏa thuận với người nhận con nuôi để cho trẻ em làm con nuôi.

D. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến của những người liên quan về việc cho trẻ em làm con nuôi

1. Xác định những người liên quan được lấy ý kiến

Trường hợp trẻ em có cha, mẹ đẻ, công chức tư pháp - hộ tịch phải lấy ý kiến của cả cha và mẹ đẻ (kể cả trường hợp cha, mẹ đẻ của trẻ em đã ly hôn). Trường hợp cha hoặc mẹ đẻ của trẻ em đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc không xác định được thì phải được

sự đồng ý của người còn lại; nếu cả cha, mẹ đẻ đều đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc không xác định được thì phải được sự đồng ý của người giám hộ. Người giám hộ của trẻ em được xác định theo quy định của pháp luật dân sự về giám hộ. Việc giám hộ phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

Trường hợp nhận trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên làm con nuôi thì còn phải được sự đồng ý của trẻ em đó. Trường hợp trẻ em ở cơ sở TGXH thì phải có cả ý kiến đồng ý của giám đốc cơ sở TGXH với tư cách là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ em.

2. Cơ quan tiến hành lấy ý kiến, cách thức và hình thức lấy ý kiến

Việc lấy ý kiến đồng ý của cha, mẹ đẻ, người giám hộ, giám đốc cơ sở TGXH và trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên phải do UBND cấp xã thực hiện.

Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi ở trên cùng phạm vi cấp xã nơi tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch của UBND cấp xã trực tiếp thực hiện việc lấy ý kiến của những người liên quan về việc nuôi con nuôi.

Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận

làm con nuôi ở hai xã khác nhau, UBND cấp xã có thể cử công chức tư pháp - hộ tịch trực tiếp đi lấy ý kiến hoặc có văn bản đề nghị UBND cấp xã nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi lấy ý kiến của những người liên quan.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của UBND cấp xã nơi nhận hồ sơ, UBND cấp xã nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi tiến hành lấy ý kiến của những người liên quan và gửi kết quả cho UBND cấp xã có yêu cầu.

Trường hợp cha, mẹ đẻ của trẻ em đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam thì UBND cấp xã có văn bản đề nghị Giám thị trại giam tạo điều kiện, hỗ trợ để công chức tư pháp - hộ tịch tiến hành lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ về việc cho trẻ em làm con nuôi.

Công chức tư pháp - hộ tịch phải lấy ý kiến của những người liên quan bằng văn bản theo mẫu đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp (www.moj.gov.vn) mục Biểu mẫu điện tử.

Văn bản lấy ý kiến phải bao gồm đầy đủ chữ ký hoặc điểm chỉ của cha, mẹ đẻ, người giám hộ nếu không biết chữ, giám đốc cơ sở TGXH đối với trẻ em ở cơ sở TGXH và công chức tư pháp - hộ tịch, có xác nhận của Chủ tịch UBND cấp xã.

Lưu ý: Mọi giấy thỏa thuận đồng ý cho con làm con nuôi do cha, mẹ đẻ của trẻ em được nhận làm con nuôi tự ý lập đều không có giá trị pháp lý. Công chức tư pháp - hộ tịch khi tiếp nhận hồ sơ không được tiếp nhận loại giấy tờ thỏa thuận này vì trái quy định của pháp luật.

3. Tư vấn cho cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ và trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên

Khi lấy ý kiến của những người liên quan, công chức tư pháp - hộ tịch cần thực hiện những nội dung sau đây nhằm bảo đảm ý kiến được đưa ra một cách tự nguyện, trung thực, không bị ép buộc, không bị đe dọa hay mua chuộc, không vụ lợi, không kèm theo yêu cầu trả tiền hoặc lợi ích vật chất khác, việc cho trẻ em làm con nuôi là giải pháp cuối cùng vì lợi ích tốt nhất của trẻ em:

- Tư vấn để trẻ em tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế của gia đình. Tư vấn đầy đủ cho cha, mẹ đẻ về mục đích nuôi con nuôi, quyền và nghĩa vụ phát sinh giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi sau khi đăng ký nuôi con nuôi; quyền và nghĩa vụ giữa cha, mẹ và con sau khi người đó được nhận làm con nuôi.

- Kiểm tra việc cha, mẹ đẻ có thỏa thuận với cha, mẹ nuôi để giữ lại quyền, nghĩa vụ đối với con và cách thức thực hiện quyền, nghĩa vụ đó sau khi đã cho làm con nuôi.

Cha, mẹ đẻ sẽ không còn các quyền, nghĩa vụ đối với con theo quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, nếu cha, mẹ đẻ và cha, mẹ nuôi không có thỏa thuận khác.

Công chức tư pháp - hộ tịch giải thích về việc cha, mẹ đẻ chỉ được đồng ý cho con làm con nuôi sau khi con đã được sinh ra ít nhất 15 ngày. Cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ có thể nhận thức chưa đầy đủ, chưa hiểu rõ những vấn đề được tư vấn hoặc bị ảnh hưởng, tác động bởi yếu tố tâm lý, sức khỏe đã đồng ý cho con làm con nuôi nên họ có quyền thay đổi ý kiến đồng ý trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến đồng ý.

MỤC 5

CÁC HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ NUÔI CON NUÔI

A. Các hành vi bị cấm và hậu quả pháp lý

Theo quy định tại Điều 13 của Luật Nuôi con nuôi, các hành vi bị cấm gồm:

1. Lợi dụng việc nuôi con nuôi để trục lợi, bóc lột sức lao động, xâm hại tình dục; bắt cóc, mua bán trẻ em;
2. Giả mạo giấy tờ để giải quyết việc nuôi con nuôi;
3. Phân biệt đối xử giữa con đẻ và con nuôi;
4. Lợi dụng việc cho con nuôi để vi phạm pháp luật về dân số;
5. Lợi dụng việc làm con nuôi của thương binh, người có công với cách mạng, người thuộc dân tộc thiểu số để hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước;
6. Ông, bà nhận cháu làm con nuôi hoặc anh, chị em nhận nhau làm con nuôi;
7. Lợi dụng việc nuôi con nuôi để vi phạm pháp luật, phong tục tập quán, đạo đức, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

Trong khi tiến hành thủ tục đăng ký việc nuôi con

nuôi, nếu công chức tư pháp - hộ tịch nhận thấy việc đăng ký việc nuôi con nuôi thuộc các trường hợp bị cấm thì phải dừng ngay việc đăng ký nuôi con nuôi.

Nếu công chức tư pháp - hộ tịch vẫn tiến hành đăng ký việc nuôi con nuôi khi biết vi phạm một trong các hành vi bị cấm thì sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Việc nuôi con nuôi có thể bị Tòa án cấp huyện chấm dứt trong trường hợp vi phạm quy định tại Điều 13 nêu trên.

B. Xử phạt vi phạm hành chính về nuôi con nuôi

Theo Điều 50 của Nghị định số 110/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, hành vi vi phạm quy định pháp luật về nuôi con nuôi:

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa, làm sai lệch nội dung giấy tờ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp để làm thủ tục đăng ký cho, nhận con nuôi.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cho, nhận con nuôi khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có văn bản không chấp nhận việc cho, nhận con nuôi;

b) Sử dụng giấy tờ giả để làm thủ tục đăng ký cho, nhận con nuôi;

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Khai báo gian dối để đăng ký việc cho, nhận con nuôi;

b) Làm giả giấy tờ để làm thủ tục đăng ký cho, nhận con nuôi;

c) Lợi dụng việc cho con nuôi để vi phạm pháp luật về dân số;

d) Lợi dụng việc cho con làm con nuôi của thương binh, người có công với cách mạng, người thuộc dân tộc thiểu số để hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Dụ dỗ, mua chuộc, ép buộc, đe dọa để có sự đồng ý của người có quyền đồng ý cho trẻ em làm con nuôi;

b) Lợi dụng việc cho, nhận hoặc giới thiệu trẻ em làm con nuôi để trục lợi, trừ trường hợp quy định tại Điểm d khoản 3 Điều này;

c) Làm dịch vụ môi giới cho hoặc nhận con nuôi trái pháp luật;

d) Lợi dụng việc nhận con nuôi nhằm bóc lột sức lao động.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Hủy bỏ giấy tờ giả đối với hành vi quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b và Điểm d Khoản 3, các điểm b, c và d Khoản 4 Điều này.

MỤC 6

TRÁCH NHIỆM SAU KHI ĐĂNG KÝ VIỆC NUÔI CON NUÔI

1. Trách nhiệm báo cáo tình hình phát triển của con nuôi

Kể từ ngày giao nhận con nuôi, cha, mẹ nuôi có trách nhiệm lập báo cáo tình hình phát triển của con nuôi 06 tháng một lần trong thời hạn 03 năm theo mẫu đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp (www.moj.gov.vn) mục Biểu mẫu điện tử, gửi UBND cấp xã nơi họ thường trú.

Trường hợp người nhận con nuôi thay đổi nơi thường trú trong thời gian họ có nghĩa vụ báo cáo tình hình phát triển của con nuôi thì phải gửi báo cáo tình hình phát triển của con nuôi cho UBND cấp xã nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi và nơi người nhận con nuôi hiện tại đang thường trú.

2. Trách nhiệm của UBND cấp xã trong việc kiểm tra, theo dõi tình hình phát triển của con nuôi

UBND cấp xã cần chủ động cung cấp biểu mẫu báo cáo tình hình phát triển của con nuôi cho cha, mẹ nuôi khi trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi. Trường hợp người nhận con nuôi không thường trú tại UBND cấp xã

nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi thì UBND cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi thông báo cho UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú để kiểm tra, theo dõi tình hình phát triển của con nuôi.

UBND cấp xã nơi cha, mẹ nuôi thường trú có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện việc nuôi con nuôi. Nếu cha mẹ nuôi có hành vi xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của con nuôi thì UBND cấp xã đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định pháp luật.

Trong quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng con nuôi, nếu phát hiện có hành vi vi phạm quy định cấm tại Điều 13 của Luật Nuôi con nuôi thì UBND cấp xã đề nghị cơ quan lao động, thương binh và xã hội hoặc hội liên hiệp phụ nữ yêu cầu tòa án nhân dân cấp huyện chấm dứt việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật.

MỤC 7

HƯỚNG DẪN VIỆC THAY ĐỔI HỘ TỊCH, XÁC ĐỊNH DÂN TỘC VÀ XÁC ĐỊNH LẠI DÂN TỘC CỦA CON NUÔI

1. Phạm vi thay đổi hộ tịch của con nuôi

Theo quy định tại Điều 27 và Điều 28 của Bộ Luật Dân sự 2015, khoản 2 Điều 24 của Luật Nuôi con nuôi và Điều 26 của Luật Hộ tịch, phạm vi thay đổi hộ tịch của con nuôi bao gồm:

- Thay đổi họ, chữ đệm và tên của con nuôi và/hoặc;
- Thông tin về cha, mẹ trong nội dung khai sinh đã được đăng ký sau khi được nhận làm con nuôi theo quy định của pháp luật về nuôi con nuôi.

Nếu có yêu cầu, căn cứ vào Giấy chứng nhận nuôi con nuôi, công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện thủ tục thay đổi, bổ sung hộ tịch trong Giấy khai sinh của trẻ em được nhận làm con nuôi; nhưng thông tin liên quan đến cha đẻ, mẹ đẻ được thay thế bằng các thông tin tương ứng của cha nuôi, mẹ nuôi. Thông tin về cha đẻ, mẹ đẻ trong giấy khai sinh của con nuôi bao gồm: họ, chữ đệm và tên của cha đẻ, mẹ đẻ; năm sinh của cha đẻ, mẹ đẻ; dân tộc của cha đẻ, mẹ đẻ; quốc tịch của cha đẻ, mẹ đẻ; nơi cư trú của cha đẻ, mẹ đẻ.

Lưu ý: Theo quy định của pháp luật hiện hành, phạm vi thay đổi hộ tịch của con nuôi không bao gồm việc thay đổi quê quán và dân tộc của con nuôi. Do đó, mọi trường hợp yêu cầu thay đổi quê quán, dân tộc của con nuôi đều không được xem xét, giải quyết.

2. Về thẩm quyền, thủ tục thực hiện việc thay đổi hộ tịch của con nuôi

Thẩm quyền, thủ tục thực hiện việc thay đổi hộ tịch của con nuôi được thực hiện theo quy định của pháp luật về hộ tịch. Việc thay đổi hộ tịch của con nuôi được thực hiện như sau:

Sau khi đăng ký việc nuôi con nuôi, nếu có yêu cầu thay đổi hộ tịch cho con nuôi, cha nuôi, mẹ nuôi nộp tờ khai theo mẫu quy định và Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi cho UBND cấp xã nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc UBND cấp xã nơi cư trú của người con nuôi chưa đủ 14 tuổi. Việc thay đổi hộ tịch của con nuôi là công dân Việt Nam từ trên 14 tuổi trở lên được thực hiện tại UBND cấp huyện nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của con nuôi.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Hộ tịch, nếu thấy việc thay đổi hộ tịch là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật dân sự và pháp

luật về nuôi con nuôi, công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ đăng ký việc nuôi con nuôi, cùng người yêu cầu đăng ký thay đổi hộ tịch ký vào Sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu. Phần khai về cha mẹ trong trích lục hộ tịch thể hiện đầy đủ nội dung thông tin về cha nuôi, mẹ nuôi theo giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi do UBND cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi cấp.

Căn cứ vào giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi, công chức làm công tác hộ tịch ghi nội dung thay đổi hộ tịch vào mặt sau Giấy khai sinh. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 03 ngày làm việc.

Trường hợp đăng ký thay đổi hộ tịch không phải tại nơi đăng ký hộ tịch trước đây thì UBND cấp xã phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao trích lục hộ tịch đến UBND nơi đăng ký hộ tịch trước đây để ghi vào Sổ hộ tịch.

Trường hợp nơi đăng ký hộ tịch trước đây là Cơ quan đại diện thì UBND cấp xã phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao trích lục hộ tịch đến Bộ Ngoại giao để chuyển đến Cơ quan đại diện ghi vào Sổ hộ tịch.

3. Về xác định dân tộc và xác định lại dân tộc của con nuôi

- Dân tộc của trẻ em bị bỏ rơi được nhận làm con nuôi được xác định theo khoản 3 Điều 24 của Luật Nuôi con nuôi và khoản 2 Điều 29 của Bộ Luật Dân sự 2015. Cụ thể như sau: trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, chưa xác định được cha đẻ, mẹ đẻ và được nhận làm con nuôi thì được xác định dân tộc theo dân tộc của cha nuôi hoặc mẹ nuôi theo thỏa thuận của cha mẹ nuôi. Trường hợp chỉ có cha nuôi hoặc mẹ nuôi thì dân tộc của trẻ em được xác định theo dân tộc của người đó.

- Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 29 của Bộ Luật Dân sự 2015, dân tộc của con nuôi được xác định lại theo dân tộc của cha đẻ hoặc mẹ đẻ, trong trường hợp con nuôi đã xác định được cha đẻ, mẹ đẻ của mình.

Việc xác định lại dân tộc cho người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi phải được sự đồng ý của người đó.

PHẦN II: HỎI - ĐÁP

HƯỚNG DẪN GIẢI QUYẾT VIỆC NUÔI CON NUÔI TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ

1. Hỏi: Độ tuổi tối đa của người nhận con nuôi là bao nhiêu? Người cao tuổi có được nhận con nuôi không?

Đáp: Hiện nay, pháp luật về nuôi con nuôi không quy định độ tuổi tối đa của người nhận con nuôi. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi thì, công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên là người cao tuổi. Người cao tuổi phải được đảm bảo các nhu cầu về chăm sóc sức khỏe, được gia đình chăm sóc, phụng dưỡng. Do đó, việc người cao tuổi nhận con nuôi, đặc biệt là trẻ em nhỏ tuổi để chăm sóc, nuôi dưỡng là không phù hợp, không bảo đảm cho việc cha, mẹ nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng con nuôi đến độ tuổi trưởng thành. Hơn nữa, trên thực tế nếu khoảng cách độ tuổi giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi quá lớn có thể ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ em.

Nếu yêu cầu đăng ký việc nuôi con nuôi không bảo

đảm mục đích của việc nuôi con nuôi và không vì lợi ích tốt nhất của trẻ em theo quy định tại Điều 2 của Luật Nuôi con nuôi thì UBND cấp xã có thể từ chối đăng ký việc nuôi con nuôi.

2. Hỏi: Người chồng hoặc người vợ hiện tại có thể nhận con nuôi của riêng vợ hoặc chồng đã nhận trước khi kết hôn làm con nuôi hay không? Nếu được, trình tự thủ tục giải quyết như thế nào?

Đáp: Trước khi kết hôn, người vợ hoặc người chồng hiện tại đã có một người con nuôi riêng, trong trường hợp này bên chồng hoặc bên vợ còn lại có thể nhận con nuôi riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi. Trình tự thủ tục được vận dụng thực hiện như đối với trường hợp cha dượng/mẹ kế nhận con riêng của vợ/chồng làm con nuôi.

Sau khi tiến hành đăng ký việc nuôi con nuôi, nếu có yêu cầu, công chức tư pháp - hộ tịch thay đổi họ, tên hoặc thay đổi phần khai về cha hoặc mẹ trong giấy khai sinh của con nuôi theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

3. Hỏi: Trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi thì bên chồng hoặc vợ của người cô, cậu, dì, chú, bác ruột của trẻ em có được miễn điều kiện về khoảng cách độ tuổi giữa người nhận con nuôi và con nuôi như theo quy định của pháp luật không?

Đáp: Theo phong tục tập quán và truyền thống văn hóa của người Việt Nam, người chồng hoặc người vợ của cô, cậu, dì, chú, bác ruột cũng được coi là chú, cậu, cô, dì hoặc bác của trẻ em được nhận làm con nuôi. Để tạo điều kiện cho trẻ em được sống trong môi trường gia đình gốc theo thứ tự ưu tiên lựa chọn gia đình thay thế, khoản 3 Điều 14 của Luật Nuôi con nuôi có thể được vận dụng để áp dụng đối với việc miễn điều kiện về khoảng cách độ tuổi trong trường hợp nêu trên.

4. Hỏi: Có được nhận thêm trẻ em làm con nuôi không trong khi gia đình người nhận con nuôi đã có hai con đẻ?

Đáp: Pháp luật về nuôi con nuôi không cấm người đã có con đẻ nhận con nuôi, nếu người này đáp ứng đủ điều kiện nuôi con nuôi. Do đó, sau khi kiểm tra các điều kiện về nuôi con nuôi, đánh giá điều kiện kinh tế, hoàn cảnh gia đình, chỗ ở của người nhận con nuôi, nếu công chức tư pháp - hộ tịch thấy rằng người nhận con nuôi có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng thêm một người con nữa thì có thể tiến hành đăng ký việc nuôi con nuôi.

Tuy nhiên, nếu có cơ sở để cho rằng các bên lợi dụng việc cho nhận con nuôi nhằm vi phạm pháp luật về dân số như việc nhận con đẻ làm con nuôi thì thuộc hành vi bị cấm theo Điều 13 của Luật Nuôi con nuôi.

Trường hợp trẻ em là cháu ruột của người nhận con nuôi nếu có cơ sở để cho rằng các bên lợi dụng việc cho nhận con nuôi con nuôi nhằm hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước thì sẽ bị cấm theo Điều 13 của Luật Nuôi con nuôi, ví dụ như để hưởng chính sách của thương binh, bệnh binh hoặc người có công với cách mạng (con nuôi sẽ được cộng điểm ưu tiên khi thi đại học...). Trong trường hợp đó, công chức tư pháp - hộ tịch cần tư vấn, giải thích, thuyết phục người nhận con nuôi về hệ quả chấm dứt việc nuôi con nuôi nếu vi phạm Điều 13 của Luật Nuôi con nuôi, từ chối đăng ký việc nuôi con nuôi.

5. Hỏi: Người đứng đầu một cơ sở TGXH có thể nhận tất cả hoặc nhận một số lượng lớn trẻ em đang được chăm sóc, nuôi dưỡng ở cơ sở làm con nuôi hay không?

Đáp: Theo quy định tại Điều 2 của Luật Nuôi con nuôi, việc nuôi con nuôi nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ, con lâu dài bền vững, vì lợi ích tốt nhất của người được nhận làm con nuôi, bảo đảm cho con nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong môi trường gia đình. Việc người đứng đầu một cơ sở TGXH xin nhận tất cả hoặc một số lượng lớn trẻ em hiện đang được chăm sóc nuôi dưỡng tại cơ sở làm con nuôi là không phù hợp, không bảo đảm mục đích nuôi con nuôi. Trên thực tế, trẻ em vẫn sống tập trung ở cơ sở TGXH chứ không phải sống trong môi trường gia đình.

Ngoài ra, theo khoản 1 Điều 24 của Luật Nuôi con nuôi, nếu việc nuôi con nuôi được thực hiện theo đúng quy định pháp luật thì kể từ ngày giao nhận con nuôi, giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ và con theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, pháp luật về dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Như vậy, một người không thể bảo đảm quyền và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ pháp lý cho tất cả những trẻ em được làm con nuôi này.

Việc công chức tư pháp - hộ tịch từ chối tiếp nhận hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi đối với một người có yêu cầu nhận tất cả hoặc một số lượng lớn trẻ em hiện đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tập trung làm con nuôi là phù hợp.

6. Hỏi: Làm thế nào để giải quyết yêu cầu nhận con nuôi của hai hoặc nhiều gia đình cùng một lúc nộp hồ sơ xin nhận một trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt làm con nuôi?

Đáp: Trường hợp đồng thời có nhiều người cùng hàng ưu tiên nhận trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt làm con nuôi thì xem xét, giải quyết cho người nào có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con nuôi tốt hơn. Tuy nhiên, để đánh giá người nào có điều kiện tốt hơn thì công chức tư pháp - hộ tịch phải kết hợp nhiều yếu tố như:

- Độ tuổi của người nhận con nuôi. Nếu người nhận con nuôi ở độ tuổi cao (ví dụ từ 50 tuổi trở lên) thì không phù hợp với việc nhận một trẻ em sơ sinh làm con nuôi.

- Điều kiện kinh tế: người nhận con nuôi có việc làm ổn định, thu nhập ổn định sẽ có điều kiện nuôi dưỡng tốt hơn một cặp vợ chồng có công việc không ổn định, mức thu nhập không thường xuyên hoặc không có tài sản nào chứng minh bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con nuôi.

- Điều kiện sức khỏe của người nhận con nuôi.

- Đạo đức, lối sống lành mạnh của người nhận con nuôi; sự ủng hộ của các thành viên trong gia đình người nhận con nuôi; kinh nghiệm nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em...

Trường hợp trẻ em đã được một trong số những gia đình nêu trên tạm thời chăm sóc nuôi dưỡng thì cũng là tiêu chí xem xét ưu tiên cho gia đình hiện đang tạm thời chăm sóc nuôi dưỡng vì trẻ em ở độ tuổi sơ sinh đã quen với sự chăm sóc của người đó nếu người này có nguyện vọng và đủ điều kiện nuôi con nuôi.

Công chức tư pháp - hộ tịch có thể tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp xã thành lập hội đồng xem xét, đánh giá điều kiện nuôi con nuôi trong trường hợp có ít

nhất hai gia đình cùng đồng thời muốn nhận 01 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt làm con nuôi.

7. Hỏi: Người nhận con nuôi và trẻ em được nhận làm con nuôi hiện nay đều đang tạm trú ở nước ngoài, vậy Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người nhận con nuôi hoặc của trẻ em được nhận làm con nuôi có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi không?

Đáp: Theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Luật Nuôi con nuôi, Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài đăng ký việc nuôi con nuôi của công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài. Trong trường hợp này, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi có hộ khẩu thường trú không có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi.

8. Hỏi: Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với nhau trong đó một bên đang định cư ở nước ngoài không?

Đáp: Theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật Nuôi con nuôi, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi thuộc trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Do đó, cơ quan có thẩm quyền quyết định việc nuôi con nuôi là UBND cấp tỉnh nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi.

Trên thực tế đã xảy ra một số trường hợp đăng ký sai thẩm quyền do người nhận con nuôi xuất trình sổ hộ khẩu còn ghi họ, tên của người nhận con nuôi, giấy chứng minh nhân dân do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp, mà không thông báo trung thực việc họ đang định cư ở nước ngoài. Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài nơi người nhận con nuôi định cư sẽ không công nhận quyết định nuôi con nuôi được ban hành sai thẩm quyền.

Để tránh việc đăng ký sai thẩm quyền, UBND cấp xã khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi phải tiến hành kiểm tra, xác minh kỹ lưỡng hồ sơ, tìm hiểu thông tin về người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi. Trường hợp có thông tin về việc người nhận con nuôi sinh sống, làm việc lâu dài ở nước ngoài nhưng vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú trong nước thì không được coi là công dân Việt Nam thường trú trong nước.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật Cư trú, nơi thường trú là nơi công dân sinh sống thường xuyên, ổn định, không có thời hạn tại một chỗ ở nhất định và đã đăng ký thường trú. Như vậy, nếu một người chỉ đăng ký thường trú nhưng không thường xuyên sinh sống tại nơi đăng ký thường trú mà sinh sống thường xuyên ở nước ngoài thì không được coi là công dân Việt Nam thường trú trong nước.

9. Hỏi: Người nhận con nuôi chưa đăng ký thường trú ở địa phương trong khi họ đã tiến hành thủ tục xóa đăng ký thường trú ở nơi ở cũ, có yêu cầu nhận cháu ruột làm con nuôi thì có thể nộp hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi ở đâu

Đáp: Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, trong trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi thì UBND cấp xã nơi cư trú của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận làm con nuôi thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi. Nơi cư trú là nơi thường trú, nơi tạm trú hoặc nơi sinh sống thực tế. Nếu đã xóa đăng ký thường trú thì xem xét giải quyết theo nơi tạm trú đã được đăng ký. Nếu không có nơi tạm trú thì xem xét giải quyết theo nơi sinh sống thực tế.

10. Hỏi: Người nhận con nuôi có hộ khẩu thường trú tại một nơi nhưng lại thường xuyên sinh sống, làm ăn tại nơi đăng ký tạm trú. Vậy UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi tạm trú có thể tiến hành xác minh điều kiện gia đình, nơi ở của người nhận con nuôi không?

Đáp: Theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi, thẩm

quyền xác nhận về hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú thực hiện. Do đó, trong trường hợp này, UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú có thể phối hợp cùng UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi đăng ký tạm trú để tiến hành đánh giá về hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi.

11. Hỏi: Cha đẻ/mẹ đẻ của trẻ em được cho làm con nuôi hiện đang chấp hành hình phạt tù. Vậy công chức tư pháp - hộ tịch có phải tiến hành thủ tục lấy ý kiến đồng ý về việc cho con đẻ làm con nuôi không, hay chỉ cần lấy ý kiến của ông/bà nội (ngoại) của trẻ để thay thế?

Đáp: Theo quy định tại Điều 25 và Điều 39 của Bộ Luật Dân sự 2015, việc đồng ý cho con làm con nuôi là quyền của cha mẹ đẻ và là quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình, gắn liền với cá nhân và không thể chuyển giao cho người khác được.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật Nuôi con nuôi, việc nuôi con nuôi phải được sự đồng ý của cha, mẹ đẻ của người được nhận làm con nuôi; nếu cha đẻ hoặc mẹ đẻ đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc không xác định được thì phải được sự đồng ý của người còn lại; nếu cả cha, mẹ đẻ đều đã chết, mất năng lực hành vi

dân sự hoặc không xác định được thì phải được sự đồng ý của người giám hộ. Như vậy, trường hợp cha đẻ/mẹ đẻ hiện đang chấp hành án phạt tù không thuộc những trường hợp nêu trên. Do đó, công chức tư pháp - hộ tịch sẽ phải phối hợp với Ban quản lý trại giam để tiến hành lấy ý kiến đồng ý của cha đẻ/mẹ đẻ về việc cho con làm con nuôi. Ý kiến đồng ý của ông/ bà nội (ngoại) của trẻ em không thay thế được ý kiến đồng ý của cha đẻ/mẹ đẻ của trẻ em trong trường hợp xác định được cha đẻ/mẹ đẻ của trẻ.

12. Hỏi: Có được miễn thủ tục lấy ý kiến đồng ý của cha, mẹ đẻ của trẻ em được cho làm con nuôi khi đã có giấy đồng ý cho con làm con nuôi do cha, mẹ đẻ tự lập hoặc khi họ đi làm ăn xa hoặc vào thời điểm đăng ký việc nuôi con nuôi công chức tư pháp - hộ tịch không thể liên lạc được với cha, mẹ đẻ của trẻ em được cho làm con nuôi?

Đáp: Điều 21 của Luật Nuôi con nuôi quy định việc nhận con nuôi phải được sự đồng ý của cha, mẹ đẻ, người giám hộ của người được nhận làm con nuôi, bảo đảm những người liên quan được UBND cấp xã tư vấn đầy đủ về mục đích nuôi con nuôi; quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi; quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ đẻ và con sau khi người đó được nhận làm con nuôi. Vì vậy, việc cha đẻ, mẹ đẻ viết giấy đồng ý (hoặc thỏa thuận) cho con đẻ làm con nuôi là trái quy định của pháp luật, cần phải được nghiêm túc chấn chỉnh.

Trong trường hợp này, mặc dù cha đẻ, mẹ đẻ đã viết giấy đồng ý cho con làm con nuôi nhưng không tuân thủ thủ tục lấy ý kiến của những người liên quan theo quy định tại Điều 20 của Luật Nuôi con nuôi và Điều 9 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP. Do đó, UBND cấp xã cần tiếp tục liên hệ với cha, mẹ đẻ của trẻ để lấy ý kiến đồng ý về việc cho con làm con nuôi.

Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, có giấy chứng sinh hoặc các giấy tờ khác ghi rõ họ, tên, địa chỉ của cha đẻ, mẹ đẻ thì sau khi xác minh, nếu xác định được cha, mẹ đẻ và liên hệ được thì UBND cấp xã vận dụng quy định tại Điều 16 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung để tiến hành lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ của trẻ.

Nếu sau khi xác minh, xác định được cha mẹ đẻ nhưng không thể liên lạc được với cha, mẹ đẻ của trẻ em, UBND cấp xã vận dụng quy định tại Điều 16 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung niêm yết tại trụ sở của UBND về việc cho con làm con nuôi trong nước trong thời hạn 60 ngày. Hết thời hạn này, nếu cha, mẹ đẻ của trẻ em vẫn không quay trở lại, UBND cấp xã có thể tiến hành thủ tục đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước.

13. Hỏi: Có thể thay đổi họ của con nuôi từ họ của cha nuôi sang họ của cha đẻ nhưng vẫn duy trì quan hệ nuôi con nuôi không?

Đáp: Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Luật Nuôi con nuôi, con nuôi có quyền lấy lại họ, tên của mình như trước khi được cho làm con nuôi khi việc nuôi con nuôi được tòa án tuyên bố chấm dứt. Do đó, trong trường hợp này khi quan hệ nuôi con nuôi còn tồn tại thì không có căn cứ pháp lý để thay đổi họ cho con nuôi từ họ của cha nuôi sang họ của cha đẻ.

14. Hỏi: Cha dượng/mẹ kế có thể tiến hành thủ tục thay đổi phần khai từ cha đẻ sang cha dượng hoặc từ mẹ đẻ sang mẹ kế trong Giấy khai sinh của con nuôi riêng của vợ/chồng không?

Đáp: Trước hết, thủ tục thay đổi phần khai về cha đẻ, mẹ đẻ trong giấy khai sinh chỉ được thực hiện khi người cha dượng hoặc người mẹ kế hoàn tất thủ tục đăng ký nhận con riêng của vợ hoặc của chồng làm con nuôi. Sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký việc nuôi con nuôi, cha dượng hoặc mẹ kế có thể yêu cầu cơ quan hộ tịch thay đổi phần khai về cha đẻ hoặc mẹ đẻ trong giấy khai sinh của con nuôi theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

15. Hỏi: Cha, mẹ nuôi có thể yêu cầu thay đổi phần khai từ cha, mẹ đẻ sang cha, mẹ nuôi trong giấy khai sinh của con nuôi khi cha, mẹ đẻ đã chết không?

Đáp: Theo quy định tại khoản 3 Điều 10 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung, việc thay

đổi thông tin về cha mẹ trong Giấy khai sinh của con nuôi được thực hiện theo quy định của pháp luật về hộ tịch. Luật Hộ tịch và văn bản hướng dẫn thi hành không quy định bất kỳ điều kiện nào đối với việc thay đổi phần khai về cha, mẹ trong Giấy khai sinh của con nuôi. Do vậy, trường hợp cha, mẹ đẻ của trẻ đã chết (hoặc một trong hai người đã chết) thì cha, mẹ nuôi vẫn có thể yêu cầu UBND cấp xã nơi đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi con nuôi dưới 14 tuổi đang cư trú thực hiện việc thay đổi phần khai về cha, mẹ trong Giấy khai sinh của con nuôi. UBND cấp huyện có thẩm quyền thay đổi hộ tịch cho con nuôi đối với trường hợp con nuôi trên 14 tuổi./.

